

Bản án số: 298/2024/DS - ST

Ngày: 24-05-2024

V/v Tranh chấp đòi lại tài sản.

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN TÂN PHÚ - THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Ngọc Mỹ.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Nguyễn Đình Thúc

2. Ông Đỗ Quang Lý

- *Thư ký phiên tòa:* Bà Hồ Thị Yên Khanh - Thư ký Tòa án nhân dân quận Tân Phú, Thành phố Hồ Chí Minh.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Tân Phú tham gia phiên tòa:* Bà Đoàn Thị Thúy Hà - Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 05 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Tân Phú - Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 132/2023/TLST- DS ngày 28 tháng 03 năm 2023 về “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 277/2024/QĐXXST-DS ngày 02 tháng 04 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số 302/QĐST-DS ngày 26 tháng 04 năm 2024 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Phạm Thị X, sinh năm 1974 (có mặt)

Địa chỉ: Khu dân cư số 7, Huyện Lý S, tỉnh Quảng Ngãi.

Đại diện theo ủy quyền: ông Hồ Xuân A (có mặt)

- *Bị đơn:* Bà Phạm Thị Tuyết N; sinh năm 1976 (vắng mặt)

Địa chỉ: 70/06 Lưu Chí H, phường Tây T, quận Tân Phú, Thành phố Hồ Chí Minh.

Đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Xuân Đ (có mặt)

- *Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:*

1/ Ông Nguyễn Xuân Đ (có mặt)

Địa chỉ: 70/06 Lưu Chí H, phường Tây T, quận Tân Phú, Thành phố Hồ Chí Minh.

2/ Bà Nguyễn Thị T (xin vắng mặt)

Địa chỉ: 39A Đô Đốc C, phường Sơn K, quận Tân Phú, Thành phố Hồ Chí Minh.

3/ Bà Nguyễn Thị Thanh H (xin vắng mặt)

Địa chỉ: 63/3 Trần Hưng Đ, phường Nguyễn N, thành phố Quảng Ngãi, tỉnh Quảng Ngãi.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện đề ngày 17/03/2023 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, cũng như tại phiên tòa hôm nay nguyên đơn - Bà Phạm Thị X trình bày:

“Vào năm 2016 - 2017 bà Phạm Thị Tuyết N có hộ khẩu thường trú tại số 69 Trần Hưng Đ, phường Nguyễn N, thành phố Quảng Ngãi, tỉnh Quảng Ngãi đã mượn của bà số tiền là 450.000.000 đồng và 10 lượng vàng miếng 9999. Cụ thể số tiền 450.000.000 đồng là tiền cần nợ từ bà Nguyễn Thị Thanh H (là thím của bị đơn) và bà Phạm Thị Tuyết N xác nhận nợ trả thay cho bà H .

Bà đã làm đơn tố cáo đến Công an tỉnh Quảng Ngãi điều tra. Công an tỉnh Quảng Ngãi xác định bà Phạm Thị Tuyết N có vay mượn nợ của tôi vào năm 2016 - 2017 hai khoản tiền là 450.000.000 đồng và 10 lượng vàng miếng 9999 và xác định là tranh chấp dân sự đề nghị tôi khởi kiện tại Tòa án theo thông báo số 881/TB-CSHS ngày 03/10/2022 của Công an tỉnh Quảng Ngãi. Tôi đã nhiều lần vào nhà bà N để đòi lại hai khoản tiền nêu trên nhưng bà N và chồng bà N nhất quyết không chịu trả cho tôi.

Nay tôi yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết để tôi lấy lại khoản tiền là 450.000.000 đồng và 10 lượng vàng miếng 9999 (trị giá ở thời điểm hiện tại) và tiền lãi.”

Tại phiên Tòa hôm nay :

Nguyên đơn bà Phạm Thị X có mặt tại phiên tòa nêu ý kiến là không yêu cầu tính lãi đối với số tiền 450.000.000 đồng, còn 10 lượng vàng 9999 thì yêu cầu tính lãi, tổng số tiền lãi tính đến ngày xét xử là 473.972.500 đồng.

Bị đơn bà Phạm Thị Tuyết N ủy quyền cho ông Nguyễn Xuân Đ có mặt nêu ý kiến gồm :

- Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng thời hiệu vụ án vì đây hợp đồng vay tài sản theo quy định của Điều 429 Bộ luật dân sự năm 2015.

- Không chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Bị đơn bà Phạm Thị Tuyết N và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Xuân Đ và bà Nguyễn Thị T trong quá trình hòa giải mặc dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt không có lý do vì vậy Tòa án không lấy được lời khai, cũng như không tiến hành hòa giải được.

- Bà Nguyễn Thị T có bản tự khai gửi cho Tòa án thể hiện: Bà không quen biết nguyên đơn do đó bà không liên quan đến vụ án và đề nghị không đưa bà vào tham gia với tư cách người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan.

- Bà Nguyễn Thị Thanh H có bản tự khai : Bà Phạm Thị Tuyết N với bà là quan hệ thím và cháu. Bà N có mượn của bà 700.000.000 đồng sau đó bà N trả cho bà 250.000.000 đồng còn nợ lại 450.000.000 đồng. Sau đó bà N có nhờ bà Phạm Thị X trả giúp 450.000.000 đồng cho bà H . Bà H xác nhận bà đã nhận đủ 450.000.000 đồng từ bà X . Bà xin Tòa xét xử vắng mặt.

Tại phiên Tòa xét xử hôm nay bà Phạm Thị Tuyết N ủy quyền cho ông Nguyễn Xuân Đ có mặt tại phiên Tòa xét xử. Do đó Tòa án đưa vụ án ra xét xử theo luật định.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Tân Phú tham gia phiên tòa phát biểu kiến:

+ Về việc tuân theo pháp luật: Đương sự, Thư ký và Hội đồng xét xử đều tuân theo pháp luật tố tụng qui định tại Điều 48; Điều 86 ; Điều 196; Điều 220; Bộ luật tố tụng dân sự 2015. Tuy nhiên Tòa án còn vi phạm thời hạn chuẩn bị xét xử quy định tại Điều 203 Bộ luật tố tụng dân sự 2015 nhưng không làm ảnh hưởng tới đường lối xét xử nên Viện kiểm sát kiến nghị rút kinh nghiệm.

+ Về nội dung: Căn cứ vào tài liệu có trong hồ sơ, xét yêu cầu khởi kiện của bà Phạm Thị X yêu cầu bà Phạm Thị Tuyết N trả lại số tài sản đã vay là 450.000.000 đồng và 10 lượng vàng miếng 9999. Căn cứ vào giấy xác nhận mượn tiền, các bản lấy lời khai tại cơ quan Cảnh sát điều tra Tỉnh Quảng Ngãi, cùng bản tự khai của người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan là bà H , có đủ sơ sở xác định bà Phạm Thị Tuyết N có nợ của bà Phạm Thị X số tiền 450.000.000 đồng và 10 lượng vàng miếng 9999. Việc bà N không thực hiện trả lại số tài sản đã mượn cho bà X là làm ảnh hưởng đến quyền, lợi ích hợp pháp của nguyên đơn. Vì vậy đề nghị Hội đồng xét xử tuyên chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc bà Phạm Thị Tuyết N phải trả cho bà Phạm Thị X số tiền 450.000.000 đồng và 10 lượng vàng miếng 9999 (quy thành tiền tại ngày xét xử là 10 lượng vàng 9999 x 76.600.000 đồng /lượng vàng 9999 = 766.000.000 đồng). Bác yêu cầu tính lãi đối với số vàng do hợp đồng giao dịch bằng vàng là vô hiệu. Án phí theo quy định pháp luật.

Tại phiên tòa sơ thẩm, thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký chấp hành đầy đủ và đúng các quy định của pháp luật tố tụng dân sự, các đương sự thực hiện đầy đủ các quyền và nghĩa vụ của mình.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, sau khi nghe phát biểu của đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết:

- Xét, đơn khởi kiện của nguyên đơn bà X khởi kiện bị đơn bà N trả số tiền 450.000.000 đồng và 10 lượng vàng 9999 yêu cầu tính lãi. Các bên không lập giấy vay. Bà X tố cáo bà N đến Công an tỉnh Quảng Ngãi. Theo thông báo số 831/TB-CSHS ngày 03/10/2022 của Cơ quan Công an tỉnh Quảng Ngãi xác định bà N còn nợ bà X số tiền và vàng nêu trên và xác định là tranh chấp dân sự, không có dấu hiệu hình sự.

Hội đồng xét xử xét thấy, các bên có giấy xác nhận việc vay mượn tài sản, phù hợp lời khai của bà X và phù hợp lời khai của bà N tại Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh Quảng Ngãi. Căn cứ lời trình bày của các bên, chứng cứ thu thập đã được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử xác định lại quan hệ pháp luật tranh chấp là đòi tài sản. Bà N cư ngụ tại quận Tân Phú nên Tòa án nhân dân quận Tân Phú thụ lý giải quyết là đúng quy định tại khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

- Căn cứ biên bản tổng đạt ngày 08/8/2023 thể hiện ông Đ (chồng bà N) có ký nhận thông báo thụ lý vụ án. Ngoài ra Tòa án thực hiện thủ tục niêm yết Thông báo thụ lý vụ án cho bị đơn bà N tại địa chỉ nơi cư trú và Trụ sở ủy ban nhân dân phường Tây T, quận Tân Phú

Về thời hiệu khởi kiện :

Xét, bị đơn bà N yêu cầu áp dụng thời hiệu đối với vụ án. Vì đây là tranh chấp đòi tài sản được quy định quy định của Điều 166 Bộ luật dân sự năm 2015 nên không áp dụng thời hiệu đối với tranh chấp này.

Xét, đơn khởi kiện của bà X yêu cầu bà N phải trả số tiền vay. Tòa án nhân dân quận Tân Phú thụ lý vụ án là quan hệ tranh chấp hợp đồng vay tài sản. Trong trường hợp này bà N yêu cầu Tòa án áp dụng thời hiệu đối với quan hệ tranh chấp hợp đồng vay tài sản. Hội đồng xét xử xét thấy, tại văn bản số 831 ngày 03/10/2022 Công an tỉnh Quảng Ngãi chuyển vụ án sang giải quyết bằng vụ án dân sự về tranh chấp hợp đồng thời hiệu khởi kiện là 03 năm. Căn cứ Điều 154, 429, thì thời hiệu khởi kiện đối với vụ án dân sự tranh chấp hợp đồng vay tài sản chưa hết thời hiệu.

- Về thủ tục xét xử vắng mặt bị đơn: Bà Phạm Thị Tuyết N đã được Tòa án nhân dân quận Tân Phú tổng đạt quyết định đưa vụ án ra xét xử, quyết định hoãn phiên tòa và giấy triệu tập theo khoản 1, khoản 2 Điều 177; khoản 2 Điều 220; khoản 3 Điều 233 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, nhưng bà N vắng mặt không lý do. Căn cứ quy định tại điểm a khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 Tòa án nhân dân quận Tân Phú vẫn tiến hành xét xử vắng mặt bà N có đại diện ủy quyền là ông Nguyễn Xuân Đ có mặt.

[2]Về yêu cầu của đương sự:

- Xét, bà X yêu cầu bà N trả lại số tiền và số vàng đã nhận là 450.000.000 đồng và 10 lượng vàng miếng 9999, ngay khi án có hiệu lực pháp luật.

Hội đồng xét xử xét thấy: Căn cứ vào các tài liệu chứng cứ, bản tự khai và lời trình bày tại phiên tòa của nguyên đơn, các bản lấy lời khai của bị đơn tại Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh Quảng Ngãi và lời trình bày của người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị Thanh H và tại Thông báo kết quả giải quyết nguồn tin về tội phạm số 831/TB-CSHS ngày 03/10/2022 của Công an tỉnh Quảng Ngãi đã ghi “Kết quả giải quyết tố giác tội phạm trên như sau: Cơ quan CSĐT Công an tỉnh Quảng Ngãi có căn cứ xác định bà Phạm Thị Tuyết N vay mượn của bà Phạm Thị X số tiền 450.000.000 đồng và 10 cây vàng 9999...” thể hiện bị đơn bà N có mượn của nguyên đơn bà X 10 lượng vàng 9999 và đồng ý trả thay cho bà Nguyễn Thị Thanh H số tiền 450.000.000 đồng, tuy nhiên đến nay bị đơn bà Phạm Thị Tuyết N vẫn chưa trả số tiền và vàng nêu trên cho nguyên đơn bà Phạm Thị X.

Từ những phân tích trên, Hội đồng xét xử có cơ sở xác định bà Phạm Thị Tuyết N đã nhận 10 lượng vàng 9999 của bà Phạm Thị X và đồng ý trả thay cho bà Nguyễn Thị Thanh H số tiền 450.000.000 đồng. Do vậy, căn cứ Điều 166 Bộ luật Dân sự quy định về quyền đòi lại tài sản của chủ sở hữu, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Căn cứ vào khoản 4 Điều 19 của Nghị định số 24/2012/NĐ-CP ngày 03/4/2012 về

quản lý hoạt động kinh doanh vàng “ sử dụng vàng làm phương tiện thanh toán” là “hành vi vi phạm trong hoạt động kinh doanh vàng”. Đối với giao dịch giữa bà X và bà N được xác lập vào năm 2017 sau ngày Nghị định số 24/2012/NĐ-CP ngày 03/4/2012 về quản lý hoạt động kinh doanh vàng có hiệu lực thi hành ,nên Hội đồng xét xử quy đổi 10 lượng vàng 9999 ra Đồng Việt Nam theo giá vàng mua vào của tổ chức được phép hoạt động kinh doanh mua, bán vàng trên thị trường, tại thời điểm xét xử sơ thẩm ngày 24/05/2024 (theo giá của Báo Sài Gòn giải phóng đăng vàng 9999) là 76.600.000 đồng/01lượng. Cụ thể: $10 \text{ lượng vàng } 9999 \times 76.600.000 \text{ đồng /lượng vàng } 9999 = 766.000.000 \text{ đồng}$.

Việc mượn tài sản của bà N diễn ra đã lâu, bà N kéo dài thời gian không trả lại tài sản cho bà X là làm ảnh hưởng tới quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn, do vậy yêu cầu của nguyên đơn buộc bị đơn phải trả ngay số nợ trên là phù hợp nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Xét tại phiên tòa và các phiên hòa giải nguyên đơn không yêu cầu tính lãi đối với số tiền 450.000.000 đồng nêu trên nên chấp nhận đình chỉ yêu cầu tính lãi của nguyên đơn.

Xét về yêu cầu bà N trả số tiền lãi 473.972.500 đồng đối với 10 lượng vàng 9999 do hai bên đương sự sử dụng vàng làm phương tiện thanh toán là “hành vi vi phạm trong hoạt động kinh doanh vàng”. Nên vi phạm điều cấm của luật theo Điều 123 Bộ luật dân sự năm 2015 nên giao dịch vô hiệu không được tính lãi, mà hoàn trả những gì đã nhận. Nên không chấp nhận về yêu cầu tính lãi của nguyên đơn về số tiền lãi 473.972.500 đồng.

-Về người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan là bà Nguyễn Thị T (xin vắng mặt) nhận thấy bà Thủy không liên quan đến vụ án nêu trên nên không xét.

[3] Về án phí dân sự sơ thẩm:

Do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn phải chịu án phí trên với số tiền phải trả cho nguyên đơn là: 450.000.000 đồng và 10 lượng vàng 9999 quy đổi thành tiền là 766.000.000 đồng = 1.216.000.000 đồng, số tiền án phí là 48.480.000 đồng

Do yêu cầu tính lãi trên số vàng của bà X không được chấp nhận nên phải chịu tiền án phí theo quy định trên số tiền 473.972.500 đồng không được chấp nhận là 22.958.900 đồng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 1 Điều 74, khoản 2 Điều 92, khoản 1 Điều 147, khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, Điều 271 và khoản 1 Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Căn cứ Điều 123, Điều 166, khoản 2 Điều 468 và Điều 688 của Bộ luật Dân sự năm 2015; Căn cứ Nghị định số 24/2012/NĐ-CP ngày 03/4/2012 của Chính phủ quy định về quản lý hoạt động kinh doanh vàng; Căn cứ Điều 24; Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/NQUBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Phạm Thị X về việc yêu cầu bà Phạm Thị Tuyết N trả lại tài sản.

- Buộc bà Phạm Thị Tuyết N phải trả cho bà Phạm Thị X số tiền là 450.000.000 đồng và 766.000.000 đồng (quy đổi từ 10 lượng vàng 9999). Tổng số tiền bà Phạm Thị Tuyết N phải trả cho bà Phạm Thị X là 1.216.000.000 đồng (một tỷ hai trăm mười sáu triệu đồng).

Không chấp nhận yêu cầu tính lãi số tiền 473.972.500 đồng đối với yêu cầu đòi **766.000.000** đồng (quy đổi từ 10 lượng vàng 9999)

Thời hạn thanh toán: Ngay khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án nếu người phải thi hành án không tự nguyện thi hành thì người phải thi hành còn phải chịu tiền lãi đối với số tiền chậm trả; lãi suất được xác định theo thỏa thuận của các bên nhưng không vượt quá mức lãi suất quy định tại khoản 1 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015, nếu không có thỏa thuận thì thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015 tương ứng với số tiền chậm trả tại thời điểm thi hành án.

- 2. Án phí dân sự sơ thẩm: bà Phạm Thị Tuyết N phải chịu án phí trên số tiền phải trả 1.216.000.000 đồng là 48.480.000 đồng. Bà Phạm Thị X phải chịu án phí là 22.958.900 đồng nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 21.000.000 đồng mà bà X đã nộp theo biên lai thu số 00137760 ngày 28/03/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Tân Phú. Bà Phạm Thị X phải nộp thêm 1.958.900 đồng.

Thi hành tại Chi cục Thi hành án dân sự có thẩm quyền.

3. Quyền kháng cáo:

Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày Tòa tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6; 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- TAND Tp.HCM; VKSND Tp.HCM
- VKSND Q. Tân Phú;
- Chi cục THADS Q.Tân Phú;
- Lưu VP, hồ sơ (Thanh Hằng)/.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Ngọc Mỹ